



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 948 /KQTN-2025

Tây Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Gò Đen Ấp 1 - xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức
Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức -
Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 05/11/2025
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking): Đỗ Mỹ Thuật
- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 374

MSM: 251105.33



VILAS 1159

Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 6492:2011)		6.5	6.0~8.5	05/11/2025
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	6.23	15	05/11/2025
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	05/11/2025
4	Độ đục*	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999)	NTU	0.94	2	05/11/2025
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.80	2	06/11/2025
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.25	0.2~1.0	05/11/2025
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	05/11/2025
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	05/11/2025
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	05/11/2025
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	06/11/2025

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)



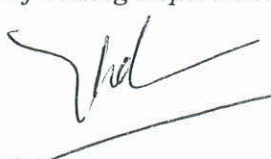
Lưu Văn Cầu

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

	CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC	Mã số: BM02-QT09 Lần ban hành: 03 Ngày hiệu lực: 01/08/2024 Trang: 1/1				
Số: 949 /KQTN-2025		Tây Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2025				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT						
- Tên mẫu thử (Name of sample):	Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại trạm xử lý nước sạch ấp Thanh Hiệp, Thanh Phú - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh					
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):	Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh					
- Mô tả mẫu (Description):	Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.					
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):	05/11/2025					
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking):	Đỗ Mỹ Thuật					
- Số phiếu YC (Number of questionnaire):	374					
		MSM: 251105.34				
Kết quả thử nghiệm (Test results):						
Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 6492:2011)		6.9	6.0~8.5	05/11/2025
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	9.31	15	05/11/2025
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	05/11/2025
4	Độ đục*	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999)	NTU	0.75	2	05/11/2025
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.80	2	06/11/2025
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.29	0.2~1.0	05/11/2025
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	05/11/2025
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	05/11/2025
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	05/11/2025
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	06/11/2025
TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC (Head of Testing Department)  Nguyễn Thị Thùy Dung			PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (Deputy General Director)   Lưu Văn Cần			
Nhận xét: Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022. Ghi chú: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. 2. LOQ: Giới hạn định lượng. 3. KPH: Không phát hiện. 4. (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017. 5. (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.						

	CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN <u>PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC</u>		Mã số: BM02-QT09			
			Lần ban hành: 03			
			Ngày hiệu lực: 01/08/2024			
			Trang: 1/1			
Số: 950 /KQTN-2025			Tây Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2025			
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT						
- Tên mẫu thử (Name of sample):		Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Phước Tinh, ấp Phước Tinh, xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh				VILAS 1159
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):		Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh				
- Mô tả mẫu (Description):		Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.				
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):		05/11/2025				
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking):		Đỗ Mỹ Thuật		MSM: 251105.35		
- Số phiếu YC (Number of questionnaire):		374				
Kết quả thử nghiệm (Test results):						
Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 6492:2011)		6.4	6.0~8.5	05/11/2025
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	5.93	15	05/11/2025
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	05/11/2025
4	Độ đục*	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999)	NTU	0.58	2	05/11/2025
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.96	2	06/11/2025
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.21	0.2~1.0	05/11/2025
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	05/11/2025
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	05/11/2025
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	05/11/2025
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	06/11/2025
TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC (Head of Testing Department)			PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (Deputy General Director)			
 Nguyễn Thị Thùy Dung			 Lưu Văn Cần			
Nhận xét: Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.						
Ghi chú: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. 2. LOQ: Giới hạn định lượng. 3. KPH: Không phát hiện. 4. (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017. 5. (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.						